

## Chương một

---

### SỰ XUẤT HIỆN CÁC GIÁO CHỦ CỤ GIÁO

Nói đến sự xuất hiện một tôn giáo, không thể không đề cập đến sự xuất hiện những nhà sáng lập, hay dùng một danh từ trang trọng hơn là những vị Giáo chủ. Ta chỉ cần bắt đầu tìm hiểu từ giai đoạn Nhị Kỳ Phổ Độ, khi các tôn giáo do những Giáo chủ phát khai mà ta gọi là do yếu tố **Nhân** điều động, vì ở Nhứt Kỳ Phổ Độ, các tôn giáo còn nằm trong trạng thái siêu nhân mà ta gọi là yếu tố **Thiên** điều động.<sup>1.1</sup>

Nhưng ngặt vì phân đông các vị Giáo chủ lại đã sống một cuộc đời ẩn dật, nếu không muốn nói là phi phàm, nên rất ít người biết; mà đã không biết thì làm sao viết thành sử? Đó là vấn đề mà bất kỳ tôn giáo nào cũng phải thận trọng khi bàn đến.

Những dẫn chứng về sự xuất hiện các bậc Khai đạo sau đây không có ý gì khác hơn là tìm một hệ thống cứu thế không thể phủ nhận được do một định luật tự nhiên đã đem đến cho nhân loại từ ngàn xưa. Định luật ấy không phải là một sự chấp vá máy móc như khoa học thường hiểu. Đó chính là sự sắp đặt của một Đấng Toàn Tri, Toàn Năng, Toàn Giác. Đấng ấy cầm đầu guồng máy Vũ Trụ, có một không hai.

---

1.1 Nhứt, Nhì, và Tam Kỳ Phổ Độ sẽ được bàn chi tiết ở chương hai.

## *Đông Tân*

Đấng Chí Tôn thiêng liêng cao cả ấy mới đầy đủ uy lực tối linh điều động vũ trụ theo luật diễn biến của mình. Nói thế có nghĩa là chúng ta đây, với sự hiểu biết nông cạn gò bó trong một bọc não cân bé tí mà nếu không được một nắm thụ đồi dào thì có bao giờ chúng ta hơn được một động vật ngây ngô kia, chỉ vùi đầu trong miếng ăn vô vị! Tuy nhiên, mỗi con người mang theo một căn bệnh di truyền của thế gian, hay chủ quan, hay tự thần thánh hóa, thường bị hoàn cảnh bên mình chi phối. Cái vị trí nhỏ bé của con người đã làm cho nhãn quan họ phải thu hẹp nên chỉ biết có một thế giới quanh mình, ấy thế mà cũng khó hiểu cho thấu đáo được.

Vì thế, Thượng Đế phải tùy từng thời đại mà tự mình mang lấy trách nhiệm giáo hóa nhân loại, một trong những biểu tượng hoàn thành công cuộc duy trì vũ trụ trong mọi trạng thái điều hòa sẵn có. Cũng do một tình thương vô lượng đối với loài người mà Thượng Đế không hề để cho loài người đi đến cơ tự diệt bằng những lợi khí mà chính Thượng Đế đã ban bố cho nhưng đã bị quỷ ma làm sai lạc. Có lẽ vì thế chúng ta mới được biết sự xuất hiện của những vị Khai đạo đã rất hợp với thời gian cần thiết, không bao giờ sai chạy mảy may.

Muốn chứng minh những điều nhận xét trên đây, ta hãy tìm xem cái nguyên ủy phát sinh của những tôn giáo thường được nhắc đến từ xưa nay như thế nào? Và những vị Giáo chủ đã đóng vai trò gì trong sự cứu rỗi nhân loại? Ta hãy xét từng tôn giáo một, không đề cập đến điểm dị đồng mà mỗi tôn giáo đã tự biệt lập đối với tôn giáo khác.

### **1.1 SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC LÃO ĐAM VỚI ĐẠO GIÁO**

**(năm 604 trước Tây lịch)**

Khi đạo *tu thân* của Khổng Tử vừa manh nha những ý thức xây dựng rộng rãi trong quảng đại quần chúng mà bất hoặc một cá nhân nào cũng có thể thực hiện được để đem lại cái sống êm đẹp cho bản thân và nhân loại thì ta lại được chứng kiến một hiện tượng tâm linh có phần sâu sắc hơn, huyền bí hơn. Đó là đạo Vô Vi của đức Lão Tử. Về đức Lão Tử thì rất ít người biết đích xác lai lịch cuộc đời ngài. Những mẩu chuyện về ngài cho ta biết ngài là người nước Chu, tên là Lão Đam, khi mới sinh ra thì đầu tóc đã bạc nên tục gọi là Lão Tử.

Trong Sử Ký Khổng Tử Thế Gia và Lão Trang Liệt Truyện có chép việc này như sau:

*Năm đức Khổng Tử 34 tuổi, nghe nước Chu có ông Lão Đam là một vị đạo học cao rộng, ngài bèn đi đến nước Chu xin học lễ với ông Lão Đam tức là Lão Tử. Lúc bấy giờ tuổi ngài đương cường tráng, chỉ khí bảo phụ đang hăng hái gánh vác việc đời. Lão Tử sợ ngài khí huyết phương cương đến làm việc quá đáng chăng, muốn cho ngài được thuần thực viên mãn nên răn ngài rằng: "Kìa*

## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

những lời người cho ta nghe đó rất là những lời của người xưa, người ấy với xương thầy đã hủ ròi, chỉ có lời nói còn lại mà thôi. Và lại hễ người quân tử đụng gặp thì làm được thời phỉ sức vầy vùng, chẳng đụng thì làm được thời tự do xoay chuyển. Ta vốn thường nghe con nhà buôn bán khéo léo, tất nhiên thu sâu giấu kín hình như không có gì (lương cổ thâm tàng nhược hư); người quân tử có đạo đức cao lớn, tất nhiên dung dáng ở bề ngoài như hình người ngu (quân tử thịnh đức dung mạo nhược ngu). Bây giờ trong mình người nếu còn có kiêu khí với đa dục và cách lờ loẹt với chí say đời, chỉ là làm hại cho người, người nên hết sức trừ bỏ đi".

Đức Khổng Tử nghe bấy nhiêu lời của Lão Tử, từ biệt về nhà nói với học trò rằng: "Ta ngày nay mới thấy ông Lão Tử, e ông ấy là rồng thiêng đó mà! (Ngô kim nhật kiến Lão Tử, kỳ do long hồ!)"<sup>1,2</sup>

Theo lời đức Khổng Tử trên đây, ta nhận thấy rằng đức Lão Tử quả đạt được Đạo, đã làm cho đức Thánh khám phục. Như thế phải chăng cái đạo *tu thân* của đức Khổng Tử không đủ thích dụng cho mọi tầng lớp dân chúng Trung Hoa nên phải có đạo Vô Vi của đức Lão Tử bổ túc vào đó. Điều này không làm ta ngạc nhiên khi tìm ra căn nguyên của bệnh thời đại lúc bấy giờ. Phải có cách *tu thân* của đức Khổng Tử mới đem lại nếp sống bình an cho gia đình, chủng tộc, hồng sửa trị cái cảnh *phong hóa đời bại* của thời Xuân Thu (*cha không ra cha, con không ra con, vua không ra vua, tôi không ra tôi*). Nhưng phải có đạo Vô Vi của đức Lão Tử (*đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*) mới chế ngự căn bệnh *uy thế lộng hành* của quý tộc chuyên chính, lớn hiếp bé, mạnh hiếp yếu được.

Thế nên, Đức Thượng Đế đã khai sinh hai mối đạo cùng một lúc tại Trung quốc không phải là ngẫu nhiên. Phương thuốc Khổng Tử dùng chữa trị căn bệnh nhập thế quan niệm đời là một cuộc sống tốt đẹp, trong đó con người phải tìm thấy điều Nhân lễ Thiện cho mình và cho người. Phương thuốc Lão Tử chuyên chữa trị căn bệnh xuất thế khi thế lực vật chất lộng hành, làm cho con người không còn nhận thấy những gì thuộc về mình là đáng tôn sùng, quý giá nữa, trong khi chân giá trị của cuộc sống trường cửu không phải là những gì vật chất hình hiện mà thuộc về phần vô vi bí nhiệm.

Thật hai bậc siêu nhân đã đi song song trong công cuộc cứu rỗi nhân loại. Vị nào cũng thực hiện được sự cứu rỗi ấy nơi bản thân mình, làm những mẫu mực cực kỳ sáng chói cho việc dẫn dắt nhân loại vào đường chính đạo.

---

1.2 **Khổng Học Đẳng**, Phan Sào Nam, trang 12.

## 1.2 SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC KHỔNG KHÂU VỚI NHO GIÁO

(năm 551 trước Tây lịch)

Khi dân tộc Ấn Độ được cái vinh diệu tiếp đón đức Phật Thích Ca thì dân tộc Trung Hoa lại được duyên may tiếp đón một bậc Đại Thánh Á châu: đức Khổng Phu Tử.

Đức Khổng Tử người nước Lỗ, ra đời trong một hoàn cảnh quốc gia cực kỳ suy loạn. Ngài chủ trương thuyết *tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*, rất nóng lòng sốt ruột về việc cứu dân. Ngặt nổi trong thời đại ấy, chế độ phong kiến đương thịnh hành (*đức Khổng Tử sinh vào năm 551 trước Tây lịch, tức là năm 21 đời vua Linh Vương nhà Chu*), quyền chính trị phải dựa vào quân tướng nên từ năm 34 đến năm 55 tuổi, ngài chu du liệt quốc, mong tìm một vị minh quân để mượn quyền chính trị mở mang tư tưởng bảo phụ của mình. Đến năm 56 tuổi trở về nước Lỗ, ngài được vua nước Lỗ là Định Công dùng làm quan Đại Tư Khấu, kiêm nhiệm chức Quan Tướng, vừa được một cơ hội tốt cho ngài hành kỳ sở học. Tuy ở triều mới được ba tháng, nhưng sứ mạng phi phạm của ngài đã phát triển không ít.

Ngài thường kể công việc tác thành của đời mình như sau: *"Ta bắt đầu từ 15 tuổi mới chuyên tâm vào việc học (ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học), đến 30 tuổi sức tự lập mới chắc chắn vững vàng (tam thập nhi lập), đến 40 tuổi mới thông thấu sự lý trong thiên hạ, việc gì phải hay trái, người nào tốt hay xấu thấy xem xét biện biệt được rành rõi, không đến nỗi sai lầm (tứ thập nhi bất hoặc), đến 50 tuổi mới thấu chân lý của Tạo Hóa tức là mệnh của Trời (ngũ thập nhi tri Thiên mệnh), đến 60 tuổi sức tri với sức hành, học vấn với kinh nghiệm thấy đều thập phần chu đáo, nên đối với sự lý nhân vật ở trong thiên hạ, hễ lọt vào tai tức khắc phán đoán được ngay, không gì làm chướng nữa (lục thập nhi nhĩ thuận), đến bảy mươi tuổi thì tiến lên một địa vị rất thông thường mà rất tự nhiên, toan nói điều gì, toan làm việc gì chỉ là chiều theo một vị chủ tể ở trong mình, muốn sao thời vậy, không bao giờ vượt ra ngoài khuôn khổ đạo lý (thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du cử)".<sup>1,3</sup>*

Như thế, cuộc đời đức Khổng Phu Tử có khác cuộc đời đức Thích Ca, nhưng nguyên nhân xuất hiện chỉ là một, đó là sự nổi tiếp cứu rỗi nhân loại khi nền đạo lý nhân bản nghìn xưa tưởng như không còn nữa. Ta có thể xác nhận điều này nhân một câu chuyện về đời ngài như sau:

*"... Lại một ngày kia, ngài đi qua đất Khuông, người đất Khuông toan làm hại ngài, nhưng ngài thần nhiên nói: "Xưa có Văn Vương thời Đạo ở Văn Vương; bây giờ Văn Vương đã mất, đạo ấy không gởi ở mình ta đó ru? Giả như lòng Trời*

---

1.3. 1.4 Trích **Khổng Học Đẳng** của cụ Phan Sào Nam, trang 15.

## *Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*

*làm mất đạo ấy thời người chết sau là ta đây không dự vào đạo ấy nữa. Trời chưa bỏ mất đạo ấy thời người áp Khuông kia làm hại gì ta được?"<sup>1.4</sup>*

Vả chăng, dân tộc Trung Hoa không như dân tộc Ấn Độ với sự tôn sùng Đạo giáo là một truyền thống, mà lại đang dưới chế độ phong kiến, chỉ có chính sách trị quốc do tài chính trị gia mới cảm hóa được lòng dân, nên sự xuất hiện đức Khổng Tử với đạo *Tu, Tề, Trị, Bình* quả là một phương thuốc thích dụng hiệu nghiệm hơn cả. Nhưng ngặt vì thời bấy giờ không mấy người cảm thông được nên Nho giáo mãi về sau mới được thịnh hành. Thật là một sự cứu rỗi có giá trị miên viễn trong xã hội loài người mà đức Khổng Phu Tử quả là hiện thân của một phương pháp chữa trị bệnh đời phát nguyên từ bệnh con người vậy.

Nhưng đức Khổng Tử chỉ là một giao cảm của Thánh triết ngày trước để tiếp tục một công cuộc cứu rỗi đương thời. Cái nghĩa *thuật nhi bất tác* đã xác nhận điều này; nên ngài đã làm sáng tỏ đạo lý nơi bản thân mình để cho nhân loại nhận chân được một Tiềm Lực Vô Vi đã làm cho vạn vật tiến hóa trong trật tự điều hòa trường cửu. Chính cái Tiềm Lực bẩm thụ ấy đã làm cho ngài dạy Đạo theo một nhận định hồn nhiên của vạn vật: "*Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, bách vật sinh yên?*" Cái Tiềm Lực Thiên Nhiên ấy do đâu? Chẳng phải từ Đấng Tạo Hóa là gì?

Sách Liệt Tử có dẫn lời đức Khổng Tử như sau:

*"Khâu này nghe phương Tây có bậc Thánh, không trị mà không loạn, không nói mà tự tin".* Người ta bảo đó là ngài nói về đức Thích Ca. Điều này dù sao cũng cho ta cảm nhận hai bậc vĩ nhân có cùng một niềm cảm thông trong sứ mạng cứu đời vậy.

### **1.3 SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC THÍCH CA VỚI PHẬT GIÁO**

**(năm 560 trước Tây lịch)**

Trong một thời đại loạn ly nhất của xã hội Ấn Độ, bờ cõi thì chia ra từng tiểu bang, dân chúng chia làm nhiều giai cấp đàn áp lẫn nhau, vị Giáo chủ Phật giáo ra đời.

Đức Thích Ca sinh vào khoảng năm 560 trước Tây lịch. Bẩm tính thông minh từ thuở nhỏ, năm 7 tuổi, ngài đã theo học đạo với những thầy Bà La Môn, ngài thông hiểu các khoa, nhất là nghị luận, triết lý.

Con người như thế lẽ dĩ nhiên phải có những ý tưởng khác thường. Ở trong giai cấp quý tộc, ngài hẳn từng khi bị xâu xé trong lòng bởi những cảnh trái ngược của thế tình: một đẳng giai cấp quý tộc quyền uy hống hách, một đẳng giai cấp cùng đinh đau đớn tàn tệ. Ngài không ỷ vào quyền uy mà cũng chẳng phải bị làm tội mọi. Nhưng phải làm thế nào để cởi mở những giày vò cân não ấy? Từ

## *Đồng Tân*

đó phát khởi trong tâm ý ngài một đại nguyện: "*Phải tìm thấy chân lý để cứu vớt chúng sinh thoát khỏi bể khổ*".

Tuy nhiên, đó mới chỉ là một ý niệm. Mặc dù đã lập gia đình, sống trên bạc vàng nhung lụa trong hoàng cung, ngài vẫn thích cô độc. Năm 19 tuổi, sự chán nản cảnh vinh hoa phú quý đã lên đến tột độ, ngài quyết bỏ vợ con ra đi tìm phương giải khổ cho chúng sinh.

Chúng ta hãy thử hỏi tại sao lại có sự thay đổi trong đời ngài như thế? Phải chính tự ngài hay tự xã hội chung quanh? Phần nhận xét thứ hai e không đúng, bởi vì ta nên biết rằng vua Sudhodana không hề cho ngài ra khỏi hoàng cung, sợ tập nhiễm những điều không hay bên ngoài. Lại nữa, cuộc du ngoạn bốn cửa kinh thành không có gì là xác thực, khi chính con người thông minh trí tuệ như ngài, qua những trạng thái sai biệt trong cung hản không nhiều thì ít thấu hiểu nổi cảnh tình nhân sự bên ngoài những dinh thự lâu đài. Ta phải công nhận rằng sự giác ngộ tu học của đức Thích Ca phải do nhiều nguyên nhân xui khiến mà nguyên nhân chính là do *cái tâm* bám trụ từ đâu đâu mà ta gọi là Tâm Linh Vũ Trụ hay Thượng Đế kia đã đào tạo cho ngài trở nên xuất chúng mới có thể giúp ngài dứt khoát được với những sự lôi cuốn chung quanh.

Sau khi đã tìm đạo nơi những vị đạo sĩ Bà La Môn không thành, ngài bèn bỏ vào núi Già-xa-gaya (*sách Phật gọi là Khổ Hạnh lâm*) để tu tập thiền định. Như thế có nghĩa là khi đức Thích Ca ra đời, Bà La Môn giáo đã thất chon truyền dù đang thịnh hành. Thế mà các đạo sĩ Bà La Môn không hề nhận biết vì tính cách chủ quan của họ.

Sau sáu năm trời tu khổ hạnh, chịu mọi cực khổ lăn lóc mà vẫn không thấy kết quả gì, ngài bèn đến núi Gayasirsa tịnh tọa suy xét và thề rằng: "*Ta ngồi ở đây, nếu không chứng được đạo quả thì dầu có tan nát thân này, ta quyết không bao giờ đứng dậy*". Dưới gốc cây pippala, ngài ngồi tịnh tâm vừa 48 ngày thì bỗng thấy trong tâm thông suốt, thấu rõ chân lý của vũ trụ và nguồn gốc sinh tử của chúng sinh. Đồng thời, ngài cũng đã chứng ngộ được Thượng Đế qua sự giải thích nguyên nhân của Vạn hữu với A Thuyết Thị (*Asvajit*), đệ tử đầu tiên của ngài, người đã gặp Xá Lợi Phật khi chưa thọ pháp Phật. A Thuyết Thị đã giải thích lời dạy của đức Thích Ca là: "*Vạn hữu phát sinh từ một Nguyên Nhân*", theo nguyên văn bản tiếng Phạn của Ấn Độ.<sup>1.5</sup> Ngài đã thành Phật lúc vừa 31 tuổi.

Thế rồi ngài chu du khắp lưu vực sông Hằng (*Gange*) giáo hóa được vô số chúng sinh. Ngài tịch diệt bên bờ sông Hiranyavati sau khi trao những lời phú chúc bất diệt cho A-Nan (*Ananda*), người đệ tử trung thành của ngài.

---

1.5 (*khác với bản dịch chữ Hán từ câu tiếng Phạn này là: "Các pháp nhân duyên sanh, cũng theo nhân duyên diệt"*), theo *Essays in Jen Buddhism* của tác giả Daisetz Tateiro Suzuki xuất bản năm 1927 tại Tokyo, bản dịch *Thiền Luận* tập Thượng do Trúc Thiên dịch, nhà xuất bản Đại Nam, ấn hành tại Hoa Kỳ, trang 106.

Như thế, sự xuất hiện đức Thích Ca thật quả là một nối tiếp cứu thế trong phạm vi Ấn Độ lúc ban đầu, mà chân truyền Bà La Môn đã không còn hiệu lực nữa và đã trở thành những thế lực đàn áp kẻ yếu. Đức Thích Ca là hiện thân của sự cứu rỗi ấy, mang ý nghĩa *tự giác, giác tha* dùng làm mẫu mực trong sự tu tiến của xã hội đương thời.

Đức Thích Ca xuất hiện đem lại cho loài người một tấm gương trong sáng, phản chiếu sự cảm thông vô biên của Người với Vũ Trụ, làm cho loài người cảm thấy không còn phải chịu bất lực trước Tạo Vật, mà chính Con Người là một phần giao cảm của Tạo Vật với Vũ Trụ vô biên kia, chính Con Người là cái cửa đi vào Vũ Trụ vậy. Nhưng muốn được như thế Con Người phải làm gì? Phải chừa bỏ những vật dục câu nhử chung quanh, phải sống một đời hoàn toàn xả kỷ và lúc nào cũng nhận thấy mình có một sứ mạng thiêng liêng trong sự cứu rỗi ấy bằng mọi hình thức vô vụ lợi, đồng thời phải chịu hy sinh, nhẫn nhục một cách sáng suốt dưới sự dẫn dắt của Vô hình. Nếu không được như thế thì đức Thích Ca đã chẳng bao giờ thành Phật và chúng sinh đương thời sẽ chẳng bao giờ được thấy lẽ huyền vi của Tạo Hóa.

#### **1.4 SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC JÉSUS CHRIST VỚI CƠ ĐỐC GIÁO**

**(năm thứ 3 sau Tây lịch)**

Trong khi cõi trời loạn lạc đau đớn ở Á châu từ hai khối Ấn Độ và Trung Hoa được sáng tỏ những gương cứu thế siêu phàm ấy thì bên trời Địa Trung Hải bao gồm một phần lớn Âu châu, Phi châu và Tây Á, ánh Thái dương lại xuất hiện sau đó không lâu để kịp thời cứu vãn nhân loại đương phải chịu nhiều nguy kịch dưới mọi hình thức bạo tàn áp bức của đế quốc La Mã.

Thời đế quốc La Mã thống trị, những vua kế vị Auguste toàn là những kẻ bạo ngược hoang dâm, điên loạn. Dân chúng cực kỳ đau khổ. Tiếng thì đế quốc La Mã trong thời đại này đang lên, cuộc sống của đa số nhân dân còn phồn thịnh nhưng những vị vua sau Auguste (*Tibère 14-37, Caligula 37-41, Claude 41-54, Néron 54-68*) không còn giữ được cái phong thái của vị anh hùng tiên khởi ấy nữa.

Họ hay cho mình là Trời mà không kể gì đến quan lại hay dân chúng. Họ sợ mất ngôi báu nên hờ một tí là tù đầy, giết chóc. Từ quan lại trong triều cho đến dân gian đều khiếp sợ. Lại nữa, tôn giáo tại đây đã tạo nên hai thế lực: một thế lực thần quyền ở cùng khắp nhân gian, một thế lực giáo sĩ ngự trị trên đầu trên cổ dân chúng.

Trong một tình trạng như thế, một bên thời thế tình điên đảo, một bên thời đạo tâm nguy biến, nạn mê tín hoành hành, nhân loại đang nguy ngập, bảo sao Đấng Toàn Tri, Toàn Năng lại chẳng động lòng thương mà ra tay cứu vớt? Do

## *Đông Tân*

đó, Jésus ra đời.

Có ai ngờ đâu đứa trẻ sơ sinh nằm trong máng cỏ tại thành Bethlehem (nước Juda, Tây Á) lúc bấy giờ lại là Chúa Jésus sau này (Luca 2, 6-7).

Cuộc sống của ngài bắt đầu trong đen tối, lam lũ để nuôi thân, cho mãi đến năm 30 tuổi, cuộc đời Thánh triết mới hình hiện dưới sự dẫn dắt của Vô hình. Chẳng khác gì đức Moise thuở xưa trải qua 40 ngày trên đỉnh núi Sinai, đức Jésus cũng đã ẩn mình trong dãy núi Djebel Quarantal (tục truyền là Mont de la Quarantaine) suốt 40 ngày liền để cầu nguyện và chịu sự thử thách của ma quỷ trong bãi sa mạc Juda (Marc 4, 1-2 và Luc 6, 12) bởi theo ngài, chẳng những trau dồi kiến thức là cần thiết, mà rèn luyện tâm hồn cũng cần phải được vô cùng chú trọng.

Jésus xuống núi đến bờ sông Jourdain và bắt đầu truyền đạo, nhất là tại xứ Juda ngài đã xiển minh giáo thuyết nhiều hơn cả. Dù hoàn cảnh nơi đây khắc nghiệt, ngài cũng không quên sứ mạng tiền định. Đối với ngài, cả Đa Thần giáo (Polythéisme) và Do Thái giáo đều không còn phong độ cứu rỗi nhân loại nữa.

Đối với tín đồ La Mã giáo (Pharisien) bề ngoài đội lốt nhà tu nhưng bên trong chứa toàn sự giả hình và tội lỗi, ngài khuyên không nên làm lẫn sự tu kỷ với nguyên tắc thực hành (Matthieu, 23, 27-28).

Đối với Đa Thần giáo, đức Jésus bị xem như một hình thức chính trị của đế quốc La Mã có dụng ý làm lợi khí thu phục các nước chư hầu (ta nên biết rằng lúc bấy giờ xứ Juda, xứ Galilée là thuộc địa của đế quốc La Mã). Lẽ cố nhiên, khi đạo giáo đã trở thành trò chiếm đoạt, mua bán thì phần cứu độ không còn một ý nghĩa nào xác thực trong nhân loại cả.

Kết quả một đời cứu thế của ngài đã nêu gương trên cây thập tự, nhưng đây chỉ là một hình thức trừng phạt những trọng tội của đế quốc La Mã đương thời, chứ không phải là một biểu tượng thiêng liêng cứu thế dành riêng cho đức Chúa Jésus.

Như thế, quả đức Jésus là hiện thân cứu rỗi một số nhân loại đương vô cùng nguy ngập ở Tây phương. Ngài đã làm linh động những phương thức cứu thế đã có từ đức Moise mà trải qua nhiều thời đại tưởng như không còn nữa.

Tuy nhiên, không phải đức Jésus không hề chịu ảnh hưởng của Do Thái giáo là quốc đạo của nước mình, chính ngài đã cảnh giác sự tu hành nông cạn, cố chấp của các phái đạo này để đem lại kết quả đúng với chân lý ngàn xưa. Ngài đã làm sống lại phần căn bản của tình thương, của bác ái đã có từ trước để làm phương thức cứu đời.

Nhưng trình độ tiến triển của nhân loại và tính cách hư hoại của luật Thiên diễn bất buộc từng thời đại phải có những nhu cầu vật chất cũng như tinh thần



khác nhau. Không có gì thuộc về thể xác con người mà tuyệt đối miên viễn. Chỉ có sự cứu rỗi vĩnh viễn mới trường tồn thuộc về Thượng Đế. Ngoại trừ những trường hợp xuất hiện các bậc siêu nhân, việc giữ gìn trọn vẹn một chánh lý và làm cho lúc nào cũng mới mẻ để thích ứng với thời đại không phải chuyện dễ để ai cũng đương nhiên làm được.

Cho nên, hễ tôn giáo càng xa rời các vị Giáo chủ thì càng bị thất chơn truyền. Do đó mà không một tôn giáo nào giữ nguyên được tính cách cứu rỗi ban đầu. Cũng do đó mà không một tôn giáo nào có thể gọi là độc tôn trong sứ mạng cứu rỗi nhân loại. Những lời cảnh tỉnh của đức Chúa Jêsus quả đúng với chân lý nghìn đời vậy.

## **1.5 SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC MAHOMET VỚI HỒI GIÁO<sup>1.6</sup>**

**(năm 570 sau Tây lịch)**

Vào thế kỷ thứ VI, khi phần đông nhân loại đang say sưa với sự thuyết giảng của các giáo lý: Phật giáo ở Ấn Độ, Lão giáo và Nho giáo ở Trung Hoa, Cơ Đốc giáo ở Tây phương, thì một số dân tộc Tây Á lại được cái vinh diệu tiếp đón vị Thiên sứ cứu rỗi phần còn sót lại trên mặt địa cầu chưa được ân huệ của Thượng Đế ban rải cho. Đó là đa số dân tộc Ả Rập với những bộ lạc miền Tây Trung Á.

Kiểm điểm lại sự cứu rỗi của Thượng Đế, ta thấy đến đây là hoàn toàn đầy đủ. Ngoại trừ những dân tộc nhỏ bé với lối tu kỷ tự nhiên ảnh hưởng theo các tục lệ sẵn có và những dân tộc bán khai mà sự chiêm ngưỡng không cần rộng sâu cho lắm, ta có thể nói với Hồi giáo, Thượng Đế đã liếc tầm mắt cuối cùng đối thương nhân loại.

Mahomet, Giáo chủ Hồi giáo, được gọi là nhà Tiên tri vừa là Thiên sứ, sinh tại thành Mecca, thủ đô Ả Rập, năm 570 sau Tây lịch.

Chào đời được hai tháng thì Mahomet phải chịu mồ côi cha. Bà Halima, quyến thuộc, đến tìm đem cậu bé về nuôi tại sa mạc Saadites. Cuộc sống bắt đầu ồ ạt, đầy dẫy máu xương khi ngài phải chiến đấu trong sự tranh chấp giữa các bộ lạc. Nhưng sau khi chiến thắng, ngài lại ẩn dật và cứ mỗi năm vào ẩn trong động núi Hara một tháng. Chính trong những năm ẩn tích này, Mahomet đã tạo nên nền móng của sự nghiệp Thiên sứ. Sự tàn mác của dân Hébren sau khi thành Jérusalem bị phá hủy, những cuộc chiến tranh tôn giáo do dân Hy Lạp gây ra đã làm cho đất Ả Rập đầy dân Do Thái và tín đồ Cơ Đốc. Mahomet nghiên cứu giáo điều các đạo này và tìm hiểu mối liên hệ với lịch sử Ả Rập. Tòa Thánh Đông phương bị chia rẽ. Một số giáo phái xâu xé nhau. Các vua quên cả sự chăm nom

1.6 Người Ả Rập gọi Mahomet có nghĩa là được khen thưởng, đầy danh vọng (*loué, comblé de gloire*).

## *Đông Tân*

xứ sở, chỉ chuyên về vấn đề Thần học giả dối. Trong lúc đó thì dân Ba Tư (*Perse*) dưới ngọn cờ Cosroes, toan đánh chiếm Constantinople. Dân Ả Rập gần như mất hẳn ý thức một Thượng Đế độc tôn để chìm mình trong những dị đoan của sự tôn sùng hình tượng. Đền thờ Mecca, nơi thờ phượng Đấng Allah không còn trang nghiêm nữa...

Đó là tất cả tình trạng của phương Đông khi mà Mahomet nghĩ đến việc xây dựng Hồi giáo và làm thành một qui luật thống nhất các dân tộc Ả Rập đang bị chia rẽ. Vì Mahomet được lãnh hội điển linh của Thánh Gabriel nên ngài có thể được xem là đồng tử soạn kinh Coran<sup>1.7</sup> nêu lên tình huynh đệ trong khối nhân loại.

Năm 40 tuổi, Mahomet bắt đầu thi hành sứ mạng Trời ban. Ngài đã kích sự giả dối trong phép tu hành của các bộ lạc. Ngài chỉ rõ những sự nguy hại trong cách tôn thờ hình tượng và sự mù quáng của những người thờ phượng. Những điều này đã làm cho bầu không khí ở Mecca căng thẳng. Các bộ lạc tập trung lại và tuyên bố từ đây tất cả những tín đồ Hồi giáo. Abutaleb, chú ngài, bảo vệ được ngài trong một thời gian.

Mahomet được tôn xưng Giáo chủ Hồi giáo nồng nhiệt ở thành Médina nhưng ngài vẫn còn ở Mecca. Các môn đồ tổ chức những cuộc chiêm bái đồ sộ tại đây. Nhờ sự mộ đạo này mà dân thành Mecca nguyên chia làm hai khối lại trở nên thống nhất. Các hoàng vương bộ lạc này đều là tín đồ Hồi giáo. Lúc bấy giờ, Mahomet còn ẩn náu tại lâu đài Acaba thành Mecca và dự định sang thành Médina để dùng các bộ lạc thành này chế ngự thù địch. Chuyến bôn tẩu của ngài bắt đầu niên lịch Hồi giáo gọi là Hejara (*tiếng Pháp dịch thành Hégire nghĩa là sự bôn tẩu*) vào năm 631 sau Tây lịch. Tại đây, Mahomet tậu một miếng đất dựng nên một nhà thờ và làm việc tự cung cấp cho mình. Khi dân thành chia rẽ thành hai nhóm Hồi giáo: nhóm Mohagerien (*tu trước*) và nhóm Asarien (*tu sau*), ngài liền hiệp lại mà rằng: "*Đông phương và Tây phương đều của Thượng Đế. Dù ngó hướng nào cũng thấy Trời. Trời đã bao trùm vũ trụ bằng sự mệnh mông và khoa học của Ngài*" (*Coran, ch.II, Versets 109*).

Trong thời gian soạn Kinh Coran ở Médina, ngài được vị dẫn đạo thiêng liêng của ngài là Gabriel chỉ bảo cách thức cầu nguyện như sau: "*Ta đã thấy người ngược mắt lên mặt trời rồi đấy. Ta mong rằng nơi người cầu nguyện phải đẹp ý người. Hãy xây mặt về phía đền này. Các tín đồ Do Thái và Cơ Đốc đều cho điều này là đúng. Đấng Bất Diệt có con mắt mở (l'oeil ouvert) trước những hành động của họ*" (*Coran - Ch. II, Versets 139*).

Ban đầu, ngài bày biện cách tập hợp cúng kiến và lễ bái đấng Allah. Nhưng tình thế đã không cho ngài được yên với công việc này. Ngài lại phải chiến đấu

---

1.7 **Kinh Coran** thành hình trong 23 năm, một phần ở Mecca, một phần ở Médine.

mãnh liệt hơn trước để phục hồi lãnh thổ. Cuối cùng ngài thọ bệnh rồi liểu đạo tại thành Médina và được toàn thể dân chúng đến chiêm ngưỡng. Mộ ngài được dựng tại đây theo lời ngài dặn: một bậc Tiên Tri phải được chôn ngay tại chỗ họ chết (*un Prophète doit être enterré au lieu où il est mort*). Sự kiện Mahomet tiếp diễn linh của Thánh Gabriel để thành hình kinh Coran khi ngài vừa có nhiều vợ (*đến hai mươi bốn bà*<sup>1.8</sup>), lại vừa là một viên tướng chỉ huy trận mạc thì không làm sao tránh được phần nhon điển của phạm tục thời bộ lạc không thích nghi với trình độ tiến hóa nhân loại.<sup>1.9</sup>

Như thế, ta phải thấy rằng chân lý vũ trụ quả thật bất biến trong khối nhân loại. Dù thể xác các vị Giáo chủ có bị tiêu ma trong định luật hư hoại của hữu hình thì tinh thần các ngài đại diện phần chân lý vũ trụ vẫn không hề bị mai một. Do đó, sự mai một của đời người không đáng kể vào đâu so với cái chân lý tuyệt đối trong sự trường tồn cứu rỗi nhân loại của Thượng Đế.

## 1.6 KẾT LUẬN

Do sự xuất hiện của các vị Giáo chủ trên đây, ta có thể giải thích ít nhiều sự cứu rỗi nhân loại trong hệ thống cứu thế từ nghìn xưa. Thật vậy, nhân loại là con chung của Thượng Đế, cũng như các sinh vật khác, nhưng nhân loại được đặc ân nhiều hơn. Đức Thượng Đế hẳn không bao giờ bỏ bê con cái trong cơn cuồng loạn có thể đi đến cơ tự diệt. Nhưng ngược lại, con người là một phần phát lộ sự diễn biến không ngừng của luật Tạo Hóa nên thường không thể duy trì điểm Linh năng sáng tạo miên viễn do Thượng Đế ban cho nơi mình.

Sự xuất hiện các vị Giáo chủ cụ thể, vì thế, phải theo từng thời kỳ từng địa phương thay đổi cho thích ứng với nhu cầu của nhân loại. Hễ một tôn giáo bị sai lạc phần tác dụng cứu rỗi nơi tâm hồn nhân loại thì phải được thay thế bằng tôn giáo khác, tuy hình thức khác biệt nhưng chân lý đã được khải thị vẫn được áp dụng một cách linh động hơn để thích nghi với trào lưu tiến hóa của xã hội. Vì thế, không một tôn giáo nào có tính cách độc tôn cả. Những vị Giáo chủ bằng xác thịt không thể là những vị độc tôn mà chỉ có phần Chân lý thị hiện nơi các ngài bao gồm trong một Thượng Đế Lý Tính - đã hiện thực nơi các ngài - mới hoàn toàn được trường tồn tín ngưỡng. Chúng ta tin tưởng các ngài tức là chúng ta chỉ tin vào Thượng Đế Lý Tính, căn nguyên duy nhất của sự giải cứu và tự cứu của nhân loại. Thế nên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã đề cập đến sự xuất hiện các vị Giáo chủ trước chỉ có nghĩa là ý thức được hệ thống cứu thế của Đức Thượng Đế Chúa Tể Vũ Trụ tá danh Cao Đài qua lịch trình diễn biến của nhân loại từ xưa nay trên khắp mặt địa cầu này vậy.

---

1.8 Theo sách **Le Coran** của Savary.

1.9 Nhận định của Đồng Tân với tư cách một đồng tử Cao Đài giáo thấu rõ việc này.